TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 720/2024/HS-PT
Ngày: 9/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Bùi Anh Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải An, Thư ký viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Bình- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 9 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 750/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Trương Minh Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Trương Minh Q, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1992 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: P chung cư T, số D đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Giám sát bán hàng Công ty B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Trương Minh N, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm 1974; có vợ là Bùi Thị Quỳnh T1, sinh năm 1994; con: có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Trương Minh Q bị bắt, tạm giam từ ngày 14/2/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Quốc H, ông Trần Trung Q1, bà Nguyễn Ngọc M- Luật sư Văn phòng luật sư Trần Quốc H thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Kim Q2- Công ty L1- Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc- Có mặt.

** Người bị hại:*

1/ Ông Tô Thanh L- Sinh năm 1961- Vắng mặt.

Giám đốc Công ty TNHH N6, địa chỉ tại khu phố A- TT H- B- Vĩnh Phúc.

2/ Bà Chu Thị H1- Sinh năm 1970- Có mặt.

Địa chỉ: xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/10/2021, Công ty CP B (gọi tắt là Công ty B) ký hợp đồng lao động với Trương Minh Q và giao Trương Minh Q làm giám sát bán hàng tại tỉnh Lào Cai. Chức năng, nhiệm vụ giám sát bán hàng của Q là quản lý 12 nhân viên bán hàng, 15 nhân viên tiếp thị của công ty tại tỉnh Lào Cai. Mở và cắt các nhà phân phối bán hàng cho công ty tại tỉnh Lào Cai, mục đích mở rộng thị trường, tăng doanh thu bán hàng cho công ty. Từ việc được công ty giao làm giám sát bán hàng, Q biết nhiều giám sát và các nhà phân phối khác tại các tỉnh Lào Cai, Hà Nội, Vĩnh Phúc. Do cần tiền trả nợ, nên Q nghĩ cách chiếm đoạt tiền của người bị hại. Q đưa ra mức giá bia rẻ hơn so với giá công ty giao cho các đại lý từ 15.000 đồng đến 24.000 đồng/1 thùng. Q nói với người bị hại, cần chạy doanh số để được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh hoặc giá bia đang được khuyến mại nên mới có giá như vậy hay đưa ra thông tin là thời gian tới giá bia sẽ tăng để đánh vào tâm lý ham rẻ của người mua. Khi người bị hại chuyển tiền để đặt mua bia, Q sẽ sử dụng một phần tiền để mua bia (giá bia Quyết mua cao hơn giá Quyết giao bán) giao cho người mua để tạo sự tin tưởng; số tiền còn lại Q chiếm đoạt để trả nợ. Với thủ đoạn như trên trong tháng 5/2022 Q đã chiếm đoạt của 2 người với tổng số tiền chiếm đoạt là 5.143.046.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Tô Thanh L- SN: 1961, Giám đốc Công ty TNHH N6, địa chỉ tại khu phố A- TT H- B- Vĩnh Phúc:

Ngày 09/5/2022, ông L đã chuyển số tiền 912.000.000đ từ tài khoản 2801205238112 của ông L mở tại Ngân hàng N7- Chi nhánh B1 (A1) đến số tài khoản 101870024480 Ngân hàng TMCP C1 (V2) của Trương Minh Q để đặt mua 4.000 thùng bia Sài Gòn L với giá Q đưa ra là 228.000đ/thùng. Để tạo niềm tin đối với ông L, sau khi nhận tiền Q đã chuyển vào tài khoản số

0951000281280 Ngân hàng TMCP N8 (V3) của chị Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1980, địa chỉ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là nhà phân phối (C1) của Công ty B số tiền 759.000.000 đ để trả nợ tiền hàng mà Q nợ trước đó rồi mua chịu của chị H2 3.700 thùng bia Sài gòn L2 để chuyển cho ông L. Q đã chuyển vào tài khoản số 3288588688888 ngân hàng TMCP Q4 (M1) của bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955, địa chỉ ở đường A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai để trả nợ 50.000.000đ; chuyển 65.000.000đ vào tài khoản số 100890561888 Ngân hàng TMCP C1 (V2 của bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1975 ở thị xã S, tỉnh Lào Cai để trả nợ; chuyển vào tài khoản 1 số 0951004186383 Ngân hàng TMCP N8 (V3) của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1976, địa chỉ ở phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai để trả nợ số tiền 28.600.000đ. Còn 9.400.000đ Quyết tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10/5/2022, ông L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Q số tiền 1.808.000.000đ để đặt mua 8.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá là 226.000đ/thùng. Sau khi nhận tiền, Q không đặt mua bia mà chuyển 1.800.000.000đ đến số tài khoản 661616000888 Ngân hàng TMCP Đ2 (B2) của anh Doãn Văn V, sinh năm 1988, trú tại: Tổ A, phường B, thành phố L để trả nợ cho anh V. Số tiền còn lại 8.000.000đ Quyết tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi chuyển tiền nhưng không thấy Q giao bia nên ông L đã điện hỏi Q thì Q viện lý do như xe bị hỏng hoặc đang đợi lệnh xuất kho nên ông L không nghi ngờ gì. Cùng ngày 10/5/2022, Q chuyển cho ông L 1000 thùng bia 333 trị giá 238.000.000đ thay cho bia Sài Gòn L, ông L đồng ý và đã nhận đủ hàng. (Quá trình giải quyết vụ án, Q không nhớ là mua số bia này, ở đâu, của ai).

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của ông L, Q đã đưa ra thông tin giá bia L2 chỉ 223.000đ/thùng. Ông L không đặt trước thì sẽ hết. Tin tưởng là Q nói thật nên ngày 11/5/2022, ông L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Q số tiền 892.000.000đ để đặt mua 4.000 thùng bia L2. Sau khi nhận tiền, Q không đặt mua bia mà chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N1 số tiền 500.000.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản số 101000520615 Ngân hàng TMCP C1 (V2) của anh Phan Đức N2, địa chỉ ở X, huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 300.000.000đ để trả nợ tiền hàng mà Q còn nợ anh N2 trước đó. Số tiền còn lại 92.000.000đ Quyết tiêu xài cá nhân hết. Không thấy Q giao bia như đã thỏa thuận, ông L đã liên hệ hỏi Q thì Q viện lý do như đang thiếu hàng hoặc chưa có xe. Đồng thời Q cho ông L số điện thoại của anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1990, HKTT: Tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là bạn của Q và nói với ông L đây là số của lái xe. Q bảo với anh Đ nếu ai gọi hỏi thì nói là đang bốc hàng. Sau đó ông L đã gọi cho anh Đ, khi thấy anh Đ nói là đang bốc hàng, ông L tin là thật. Ông

L nghĩ Q có chú là Giám đốc Công ty B nên Q sẽ không dám lừa. Nên ngày 12/5/2022 khi Q điện thoại nói bia tiếp tục giảm giá thì ông L đã chuyển cho Q số tiền 856.400.000đ để đặt 4.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá 223.000đ/thùng (do ngày 09/5 Quyết mới chuyển được 3.700 thùng bia L2, còn nợ lại 300 thùng tương đương số tiền 35.600.000đ nên ông L trừ lại số tiền này). Để ông L không nghi ngờ, sau khi nhận tiền Q đã chuyển vào số tài khoản 2204205391087 Ngân hàng N7 (A1) của chị Nguyễn Thị Ngọc A nhà phân phối bán bia ở Hà Nội số tiền 300.000.000đ và chuyển vào số tài khoản của anh Phan Đức N2 số tiền 200.000.000đ để đặt mua bia trả cho ông L. Số tiền còn lại Q chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N1 300.000.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản số 109872929161 Ngân hàng TMCP C1 (V2) của anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 41.666.666đ để trả nợ.

Ngày 13/5/2022, Q nhận được 3.980 thùng bia Sài Gòn L của nhà phân phối Nguyễn Thị Ngọc A và Phan Đức N2, Q đã chuyển toàn bộ số bia này cho ông L nhưng do 01 thùng bị vỡ nên ông L xác nhận Q đã chuyển được 3.979 thùng bia.

Sau khi nhận được số bia nêu trên, cùng ngày 13/5/2022, ông L tiếp tục chuyển số tiền 1.320.000.000đ để đặt 6.000 thùng bia L2 với giá 220.000đ/thùng và chuyển số tiền 456.000.000đ để đặt 2.000 thùng bia 333, với giá 228.000đ/thùng, thấy Q đưa ra giá bán rẻ hơn so với giá Công ty B giao cho nên ông L tiếp tục đặt của Q 4.000 thùng bia L2, với giá 218.000đ/thùng = 872.000.000đ, tổng trong ngày 13/5/2022 ông L đã chuyển cho Q số tiền 2.648.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Q chuyển vào tài khoản của chị Đỗ Thị Thu H2 số tiền 1.768.500.000đ để trả nợ; chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Ngọc A nhà phân phối ở Hà Nội số tiền 300.000.000đ để đặt mua bia; chuyển vào tài khoản 002704060333727 mở tại Ngân hàng Q5 (V4) của anh Vũ Minh T4 là giám sát bán hàng của Công ty B tại tỉnh Ninh Bình số tiền 300.000.000đ để đặt mua bia; chuyển vào tài khoản số 919888888 Ngân hàng Q5 (V4) của anh Nguyễn Công C là giám sát bán hàng tại Vĩnh Phúc số tiền 213.000.000đ để đặt mua bia.

Ngày 14/5/2022, mặc dù Q chưa giao số bia như hai bên đã thỏa thuận trước đó, nhưng khi thấy Q cam kết sẽ giao đủ bia và đưa ra giá bia thấp hơn các lần trước, ông L tin là thật nên muốn nhập thêm bia về để gom bán nên ông L đã chuyển cho Q số tiền 436.000.000đ để đặt 2.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá 218.000đ/thùng. Sau khi nhận tiền, Q đã chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 129.000.000đ để đặt 500 thùng bia L2; chuyển vào tài khoản số 7370159969999 Ngân hàng TMCP Q4 (MB) của anh Hoàng Ngọc N3, sinh

năm 1984, HKTT: Tổ E, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai là nhà phân phối (C1) ở Lào Cai số tiền 48.400.000đ để đặt 200 thùng bia L2; chuyển vào tài khoản số 106872744797 Ngân hàng TMCP C1 (V2) của anh Nguyễn Hoàng N4, sinh năm 1998, trú tại: Số F, H, quận H, thành phố Hà Nội (là nhà phân phối của Công ty B3) số tiền 130.000.000đ đặt 500 thùng bia 333; chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị N1 số tiền 100.000.000đ để trả nợ, chuyển vào tài khoản số 3666666599999 mở tại Ngân hàng TMCP Q4 (MB của chị Trần Thị Bích Đ1, sinh năm 1987, HKTT: Tổ E, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, con dâu bà N1 số tiền 30.000.000đ để trả tiền cước xe mà Q thuê chở bia cho ông L những lần trước.

Trong hai ngày 16 và 17/5/2022 Q đã giao trả ông L được 8.000 thùng bia S Lager trị giá 1.808.000.000đ. Sau khi nhận được 8.000 thùng bia thì trong ngày 17/5/2022, ông L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Q số tiền 864.000.000đ để đặt mua 4.000 thùng bia Sài Gòn L, với giá là 216.000đ/thùng. Sau khi nhận tiền, Q chuyển vào tài khoản 109868046527 Ngân hàng C1 (V2) của anh Trần Tùng N5, sinh năm 1991, HKTT: Tổ B, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai để trả nợ.

Do bán bia cho ông Tô Thanh L thấp hơn giá của Công ty B bán cho các đại lý và việc bán bia cho ông L của Q là trái tuyến, vi phạm quy định của công ty, nên ngày 01/6/2022 Công ty B đã có quyết định buộc thôi việc đối với Trương Minh Q.

Như vậy, Trương Minh Q đã chiếm đoạt của ông L tổng số tiền là: 8.416.400.000đ - 912.000.000đ (4.000 thùng bia giá 228.000đ/thùng Quyết đã trả cho ông L) – 899.254.000đ (3.979 thùng bia giá 226.000đ/thùng Quyết đã trả cho ông L)- 1.320.000.000đ (6000 thùng bia giá 220.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông L) - 436.000.000đ (2000 thùng bia giá 218.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông L) – 238.000.000đ (1000 thùng bia 333, giá 238.000đ/thùng Quyết đã giao cho ông L) = 4.611.146.000đ.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Chu Thị H1, sinh năm 1970, địa chỉ xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc:

Thông qua các giám sát bán hàng phụ trách địa bàn Vĩnh Phúc, bà H1 quen biết và mua hàng (bia) của Q.

Khoảng đầu tháng 5/2022, cũng với việc đưa ra các thông tin gian dối như đã nêu trên, bà H1 tin là thật. Nên ngày 04/5/2022 đã chuyển số tiền 268.400.000đ từ tài khoản số 102002832636 Ngân hàng C1 của bà H1 đến số tài khoản số 101870024480 Ngân hàng C1 của Trương Minh Q để đặt mua 2000 két bia chai đỏ và 200 két bia chai xanh. Sau khi nhận tiền, trong ngày

04/5/2022 Q không đặt mua bia mà chuyển trả nợ cho những người sau: Q chuyển vào tài khoản 19035322509013 Ngân hàng K của Bùi Thị Quỳnh T1 số tiền 40.000.000đ; chuyển vào tài khoản số 8800215046833 ngân hàng A1 của ông Trương Quyết T5 số tiền 25.000.000đ; chuyển vào tài khoản số 109872929161 của anh Nguyễn Ngọc Đ Ngân hàng V2 số tiền 35.800.000đ; chuyển vào tài khoản 002704060345382 của Nguyễn Văn Q3 mở tại Ngân hàng TMCP Q5 số tiền 75.100.000đ; ngày 5/5/2022 Q chuyển vào tài khoản số 8810166629999 của Phạm Duy P mở tại Ngân hàng A1 số tiền 32.500.000đ, chuyển vào tài khoản 48366000556588 của Vũ Minh T4 mở tại ngân hàng TMCP Đ2 số tiền 60.000.000đ.

Mặc dù chưa giao bia cho bà H1 như đã thỏa thuận nhưng Q tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là giá bia đỏ sẽ tăng 8.000đ/thùng, bà H1 tưởng thật nên ngày 13/5/2022 bà H1 tiếp tục chuyển số tiền 287.000.000đ cho Trương Minh Q để đặt mua bia. Sau khi nhận tiền, Q đã chuyển vào tài khoản của Nguyễn Tuấn V1 số tiền 200.000.000đ để đặt mua bia (một phần bia giao trả cho ông L và 1 phần bia giao trả cho bà H1, đến nay không nhớ cụ thể bao nhiêu két, thùng và loại bia gì) và chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị N1 số tiền 87.000.000đ để trả nợ. Thời điểm này bà H1 liên tục giục Q chuyển số bia bà H1 đã đặt thì Q lấy lý do chậm hàng và chụp ảnh các giao dịch bia tại kho để bà H1 tin Q đã đặt bia. Sau đó tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là trong thời gian tới sẽ khan hàng (bia), mục đích để bà H1 tiếp tục chuyển tiền đặt cọc mua bia. Vì vậy trong ngày 17/5/2022 bà H1 đã chuyển số tiền 75.000.000đ từ tài khoản số 102002832636 của bà mở tại Ngân hàng C1 chi nhánh V5 đến số tài khoản số 101870024480 của Trương Minh Q mở tại Ngân hàng C1 chi nhánh L3. Sau khi nhận tiền, Q chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N1 50.000.000đ và chuyển vào tài khoản của anh Trần Tùng N5 29.000.000đ để trả nợ. Thấy Q không giao bia như đã thỏa thuận nên bà H1 đã đòi lại tiền đặt cọc bia nhưng do Q đã sử dụng để trả nợ hết nên không có tiền để trả cho bà H1. Như vậy số tiền Q đã chiếm đoạt của bà H1 là: (Tổng số tiền bà H1 đã chuyển cho Q để đặt mua bia: 630.400.000đ - 98.500.000đ (400 két bia đỏ x 118.000đ/1 két; 100 két bia xanh x 208.000đ/1 két; 40 thùng bia Lạc Việt x 200.000đ/1 thùng; 100 thùng bia S x 225.000đ/1 thùng; là tổng số bia Q đã giao trả bà H1) = 531.900.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Trương Minh Q khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

* Về xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ:

Ngày 14/02/2023, Trương Minh Q giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, quá trình điều tra

xác định là phương tiện Q liên lạc với các bị hại khi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với số tiền Q chiếm đoạt của ông Tô Thanh L và bà Chu Thị H1 để trả nợ cho các cá nhân gồm: Bà Nguyễn Thị N1, Nguyễn Ngọc Đ, Trần Tùng N5, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị Hồng T6, Đỗ Thị Thu H2, Nguyễn Văn Q3, Phạm Duy P, Doãn văn V, Phan Đức N2; Cơ quan điều tra đã xác minh xác định những người này không biết việc Q chiếm đoạt tiền của ông L, bà H1; đối với số tiền Q đã trả cho những người trên thì những người này đã đầu tư kinh doanh và chi tiêu hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* Về Trách nhiệm dân sự:

Trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Minh Q, Q đã trả cho cho ông L số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông L là 4.561.146.000 đồng.

Đối với số tiền 531.900.000 đồng Quyết chiếm đoạt của bà Chu Thị H1, bị cáo chưa bồi thường được cho bà H1 phần nào.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Minh Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Minh Q 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 5 năm 2024, bị cáo Trương Minh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên lời khai, thể hiện thái độ hối hận về hành vi trót thực hiện, mong muốn được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội cải tạo trở thành người lương thiện.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nhưng đã nhờ gia đình vay mượn tiền để khắc phục hết thiệt hại cho người bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng. Bị cáo đã có nhiều cố gắng trong cuộc sống và lao động nên được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen của Công ty B, và Hội thanh niên tỉnh Lào Cai. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội cải tạo thành người lương thiện.

Người bị hại đều có xác nhận bị cáo đã khắc phục hết hậu quả, đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 có mặt một lần nữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ người thân vay mượn tiền để khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông ngoại bị cáo là người có công với Cách mạng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo có nhiều giấy khen và bằng khen của Công ty bia Sài Gòn và Hội thanh niên tỉnh B. Do đó bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm; áp dụng cho bị cáo mức án từ 7-8 năm tù cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa và khuyến khích người phạm tội khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội, cải tạo tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Bị cáo Trương Minh Q phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử

bị cáo về tội danh và hình phạt quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ được áp dụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật.

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã nhờ người thân vay mượn tiền để khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được Công ty B tặng nhiều giấy khen do có thành tích xuất sắc trong nhiều năm làm việc. Được Hội thanh niên tỉnh Lào Cai tặng bằng khen, do có thành tích xuất sắc trong phát triển phòng trào. Ông ngoại bị cáo là người có công với Cách mạng. Do đó bị cáo được áp dụng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới: tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhưng có 4 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nhưng tác động gia đình cố gắng vay mượn để khắc phục thiệt hại cho người bị hại, thể hiện sự rất ăn năn hối cải của bị cáo. Hành vi đó thể hiện bị cáo thực sự mong muốn, quyết tâm cải tạo tốt, khắc phục sai lầm. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự; chấp nhận đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm; áp dụng cho bị cáo mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa và có tác dụng khuyến khích người phạm tội khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội và cải tạo tốt.

[2.2] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Minh Q. Sửa phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Minh Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Minh Q 07 (Bẩy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- TTG - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến